

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2020
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2020/TLST-KDTM ngày 17/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-KDTM ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ, quận H, thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Lê Đức Th, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền:

Anh Phạm Minh T2, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng C, chi nhánh Thái Bình (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Trung T2, sinh năm 1948; bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1949.

Đều có địa chỉ tại: Thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

(ông T2, bà V vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V có quan hệ vay vốn với Ngân hàng C- Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019. Loại vay: Ngắn hạn; số tiền cho vay: 180.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (09/01/2019); thời gian trả nợ cuối cùng: 09/01/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động nuôi ngao. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V trả nợ đúng cam kết, tuy nhiên ông T2 và bà V chưa trả nợ gốc và mới trả được 16.633.219 đồng tiền lãi trong hạn, tính đến hết tháng 12/2019 cho Ngân hàng; tính đến ngày khởi kiện 25/5/2020, ông T2 và bà V còn nợ Ngân hàng số tiền là 190.094.338 đồng, trong đó: Nợ gốc: 180.000.000 đồng; Nợ lãi: 10.094.338 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông T2 và bà V có thể chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 92/HĐTC ngày 27/12/2012, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 362,5m² (trong đó, đất ở nông thôn 61,5m²; đất trồng cây lâu năm khác 301m²) tại thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 474189, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 01996 do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 27/10/2011; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng và công trình phụ diện tích 60m²; địa chỉ tài sản: thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; chủ sở hữu tài sản là ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã liên tục thông báo, đôn đốc, trực tiếp xuống nhà ông T2 và bà V để làm việc, yêu cầu ông bà trả nợ Ngân hàng, tuy nhiên ông T2 và bà V không thanh toán được nợ gốc cho Ngân hàng. Do ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng C khởi kiện ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V ra Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng C toàn bộ số nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi phạt quá hạn, phí và các chi phí khác liên quan theo Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 92/HĐTC ngày 27/12/2012 để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020, bị đơn là bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 có ý kiến: Ông T2 và bà V có quan hệ vay vốn của Ngân hàng C. Số tiền vay là 180.000.000 đồng. Mục đích vay để nuôi ngao. Tài sản đảm bảo thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên vợ chồng ông, bà tại thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Quá trình vay vợ chồng ông, bà vẫn đóng lãi đầy đủ. Tuy nhiên, đợt cuối năm 2019, do tình hình kinh tế khó khăn, việc nuôi ngao bị thất thoát nên gia đình không đủ khả năng để đóng lãi. Ông T2, bà V có ý kiến là do hoàn cảnh

kinh tế khó khăn, nên từ nay đến tháng 12/2020 nếu đủ khả năng thì ông, bà sẽ thanh toán trả 10 triệu đồng còn nếu có hơn sẽ thanh toán nhiều hơn. Ông T2, bà V đã thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng hết tháng 12/2019. Từ đó đến nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông, bà đề nghị Ngân hàng cho khoan lãi và giảm lãi cho gia đình ông, bà. Ông T2, bà V xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do hoàn cảnh khó khăn và đau ốm nên không đến Tòa án để làm việc được. Vì là người cao tuổi, ông T2, bà V đề nghị được miễn án phí. Biên bản lấy lời khai có sự chứng kiến của bà Trần Thị M, cán bộ địa chính và xác nhận của ông Trần Quang Ch, Phó Chủ tịch UBND xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Ngày 07/7/2020, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, ông T2, bà V không đến Tòa án; ngày 17/7/2020, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai, ông T2, bà V không đến Tòa án.

Ngày 12/8/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, ông T2, bà V không đến tham gia phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 28/8/2020. Tại phiên tòa hôm nay, ông T2, bà V tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 có vay tiền của Ngân hàng C theo Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động nuôi ngao. Ông T2, bà V đều có địa chỉ tại thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý giải quyết vụ kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 nuôi ngao kinh doanh. Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019 giữa Ngân hàng C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019 giữa Ngân hàng C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 ký kết thì chậm nhất là ngày 09/01/2020, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, đến thời hạn trên, ông T2, bà V chưa thanh toán được toàn bộ nợ gốc và mới thanh toán được 16.633.219 đồng tiền lãi trong hạn, tính đến hết tháng 12/2019 cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông bà trả nợ Ngân hàng, thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Cụ thể: Thông báo về việc trả nợ tiền vay ngày 03/01/2020; Biên bản làm việc ngày 09/01/2020; Biên bản làm việc ngày 12/02/2020, tuy nhiên ông T2, bà V chưa thanh toán tiền gốc và lãi từ tháng 01/2020 cho Ngân hàng. Do quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm, Ngân hàng C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2; tuy nhiên ông T2, bà V không đến Tòa án, ông T2, bà V thể hiện quan điểm của mình thông qua biên bản lấy lời khai tại gia đình ông, bà ngày 13/7/2020.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019, số tiền vay: 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 09/01/2019); lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/lần, tại thời điểm vay lãi suất áp dụng là 9,5%/năm, được điều chỉnh 01 tháng/lần, ngoài ra trong hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất quá hạn; phương thức trả là trả lãi vào ngày 30 hàng quý; ngày 09/01/2020 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động nuôi ngao.

Việc ông T2, bà V ký kết hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019 với Ngân hàng C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 92/2019-HĐCV/NHCT360 là hợp pháp. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 trả nợ đúng cam kết, tuy nhiên ông T2, bà V chưa trả nợ gốc và mới trả được 16.633.219 đồng tiền lãi trong hạn, tính đến hết tháng 12/2019 cho Ngân hàng. Do ông T2, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng C khởi kiện ông T2, bà V; tính đến ngày xét xử 28/8/2020, ông T2, bà V còn nợ Ngân hàng số tiền là 196.770.343 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 466.781 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.303.562 đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi ông T2, bà V không thực hiện đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Đặng Trung T2 phải trả nợ gốc đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số

92/2019-HĐCV/NHCT360 ngày 09/01/2019 với số tiền là 180.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng C yêu cầu ông T2, bà V phải trả lãi và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2020, cụ thể: Tiền lãi trong hạn là 466.781 đồng và lãi quá hạn là 16.303.562 đồng, tổng số là 16.770.343 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng C phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông T2, bà V có thể chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 92/HĐTC ngày 27/12/2012, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 362,5m² (trong đó, đất ở nông thôn 61,5m²; đất trồng cây lâu năm khác 301m²) tại thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 474189, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 01996 do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 27/10/2011; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng và công trình phụ diện tích 60m²; địa chỉ tài sản: thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; chủ sở hữu tài sản là ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ Ngân hàng. Trong trường hợp ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2020 xác định tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi gì.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T2, bà V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Ông T2, bà V có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Ngân hàng C.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông T2, bà V phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; tuy nhiên, ông T2, bà V là người cao tuổi, có đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 323, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng C các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).
- Lãi trong hạn: 466.781 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).
- Lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2020 là: 16.303.562 đồng (Mười sáu triệu ba trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2020 ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng C là: 196.770.343 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 92/HĐTC ngày 27/12/2012, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 362,5m²(trong đó, đất ở nông thôn 61,5m²; đất trồng cây lâu năm khác 301m²) tại thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 474189, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 01996 do Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp ngày 27/10/2011; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng và công trình phụ diện tích 60m²; địa chỉ tài sản: thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; chủ sở hữu tài sản là ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho Ngân hàng C.

4. Về án phí: Ông Đặng Trung T2 và bà Nguyễn Thị V được miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 9.504.800 đồng (Chín triệu năm trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009582 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1
- Các đương sự

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu Hồ sơ.

Đồng Ngọc Huyền